

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST

Ngày 06 - 4 - 2018

V/v tranh chấp ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Việt Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Khuru Liên Dung

2. Bà Nguyễn Thị Bích Tuyền

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Kiều Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Bà Lý Thế Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2018 về việc “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXX-ST ngày 13 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1970; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp G, xã H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; chỗ ở hiện nay: ấp B2, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

2. **Bị đơn:** Anh **Trần Văn L**, sinh năm 1971; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: ấp G, xã H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/01/2018, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

- **Về hôn nhân:** Vào năm 1990, được sự cho phép của hai bên gia đình, chị N và anh Trần Văn L có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu anh chị có hạnh phúc nhưng đến năm 2007 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do bất đồng ý kiến nên chị không thể tiếp tục sống chung với anh L được nữa. Nay, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

- **Về con chung:** Chị Nguyễn Thị N xác định trong quá trình chung sống chị và anh L có 03 con chung là Trần Văn B, sinh ngày 25/6/1994, Trần Văn S, sinh ngày 11/12/1995 và Trần Thị T, sinh ngày 25/4/1996, hiện tại các con của anh chị đã đủ

tuổi trưởng thành, có gia đình riêng và không bị mất năng lực hành vi dân sự nên chị N không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Nguyễn Thị N xác định chị và anh L không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị N không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

**Theo bị đơn anh Trần Văn L trình bày tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 22/02/2018*: Anh L thống nhất với toàn bộ lời trình bày của chị N về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Hiện nay, anh và chị N đã không còn tình cảm, chị N yêu cầu xin ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý, các con đã lớn không bị mất năng lực hành vi dân sự nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, đồng thời giữa anh và chị N không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không ai nợ anh chị nên anh L không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm về vụ án*:

- Về việc tuân theo pháp luật: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Chị N và anh L chung sống với nhau năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn do vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh L.

Về con chung: 03 người con của chị N và anh L đã đủ tuổi trưởng thành, có gia đình riêng và không bị mất năng lực hành vi dân sự. Do chị N và anh L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Đối với tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh L đều xác định không có tài sản chung và nợ chung. Do chị N và anh L không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

[1] Về tố tụng dân sự:

- *Thẩm quyền giải quyết vụ án*: Chị Nguyễn Thị N yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn L, xét đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; đồng thời bị đơn cư trú tại thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Việc xét xử vắng mặt bị đơn*: Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh Trần Văn L.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn L được sự cho phép của hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý” và tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn L.

[3] *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn L cùng thống nhất và xác định trong quá trình chung sống anh chị có 03 con chung là Trần Văn B, sinh ngày 25/6/1994, Trần Văn S, sinh ngày 11/12/1995 và Trần Thị T, sinh ngày 25/4/1996, hiện tại các con của anh chị đã đủ tuổi trưởng thành, có gia đình riêng và không bị mất năng lực hành vi dân sự, chị N và anh L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản chung*: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn L thống nhất xác định không có tài sản chung, thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] *Về nợ chung, nợ riêng*: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn L thống nhất xác định không có nợ ai và không ai nợ anh chị, thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí dân sự*: Chị Nguyễn Thị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết của 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn L.

2/. *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn L thống nhất xác định trong quá trình chung sống anh chị có 03 con chung là Trần Văn B, sinh ngày 25/6/1994, Trần Văn S, sinh ngày 11/12/1995 và Trần Thị T, sinh ngày 25/4/1996, hiện tại các con của anh chị đã đủ tuổi trưởng thành, có gia đình riêng và không bị

mất năng lực hành vi dân sự, chị N và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3/. *Về tài sản chung*: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn L thống nhất xác định không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. *Về nợ chung, riêng*: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn L thống nhất xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5/. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị N phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Chị N đã dự nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0007984 ngày 22/02/2018 tại Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, nay được chuyển thu án phí.

Án xử công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án cho bị đơn.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thành Tp. Bạc Liêu;
- CCTHADS Tp. Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Quỳnh

Bạc Liêu, ngày 27 tháng 9 năm 2017

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ ngày 27 tháng 9 năm 2017.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Việt Quỳnh

- Các Hội thẩm nhân dân:

.....

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 306/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2017 về việc “tranh chấp ly hôn” giữa:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị Xuân Linh

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng Quốc

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Sau khi nghị án Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3 các nội dung sau:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Dương Thị Xuân Linh được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng Quốc.

2/. Về con chung: Bà Dương Thị Xuân Linh và ông Nguyễn Hoàng Quốc thống nhất xác định ông bà có 02 người con chung là anh Nguyễn Hoàng Tuấn, sinh năm 1983 và chị Nguyễn Thị Thủy Tiên, sinh năm 1984, cả 02 anh chị đều đã trưởng thành, phát triển bình thường đã có gia đình riêng, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

3/. Về tài sản chung: Bà Dương Thị Xuân Linh và ông Nguyễn Hoàng Quốc thống nhất xác định ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

4/. Về nợ chung: Bà Dương Thị Xuân Linh và ông Nguyễn Hoàng Quốc thống nhất xác định ông bà không có, không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

5/. Về án phí: Bà Dương Thị Xuân Linh phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Bà Linh đã dự nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0007607 ngày 03/8/2017 tại Chi Cục Thi hành án dân sự Thành phố Bạc Liêu, nay được chuyển thu án phí.

Án xử công khai, chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh L vắng mặt nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án cho anh L.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ..... phút, ngày 06 tháng 4 năm 2017.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Việt Quỳnh